

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số: /UBND-NV ngày/4/2023 của UBND huyện)

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (ha)/ dân số		Diện tích tự nhiên (ha) dân số chuyển đổi		Diện tích tự nhiên (ha)/ dân số còn lại		Diện tích tự nhân (ha)/dân số được chuyển		Ghi chú
		Diện tích	Dân số	Diện tích	Dân số	Diện tích	Dân số	Diện tích	Dân số	
	Xã Vĩnh Thạnh, Hưng Thạnh, Vĩnh Châu B chuyển giao cho thị trấn Tân Hưng									
	Thị trấn Tân Hưng	567,00	6.627	1.111	891			1.678,00	7.518	
	Xã Hưng Thạnh	3460,46	4.167	46	130	3.414	4.037			chuyển cho thị trấn Tân Hưng
	Xã Vĩnh Thạnh	4873,16	6.007	1.051	681	3.822	5.326			chuyển cho thị trấn Tân Hưng
	Xã Vĩnh Châu B	2963,28	4.723	14	80	2.949	4.643		-	
	Vĩnh Châu A chuyển giao cho xã Vĩnh Châu B									
	Xã Vĩnh Châu B	2949	4.643					3716	4.784	
	Xã Vĩnh Châu A	6441,22	3.879	767	141	5.674	3.738			chuyển cho xã Vĩnh Châu B

PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số: 820/UBND-NV ngày 03/4/2023 của UBND huyện)

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (ha)/ dân số		Diện tích tự nhiên (ha)/ dân số chuyển đổi		Diện tích tự nhiên (ha)/ dân số còn lại		Diện tích tự nhiên (ha)/dân số được chuyển		Ghi chú
		Diện tích	Dân số	Diện tích	Dân số	Diện tích	Dân số	Diện tích	Dân số	
	Xã Vĩnh Thạnh, Hưng Thạnh, Vĩnh Châu B chuyển giao cho thị trấn Tân Hưng									
	Thị trấn Tân Hưng	567,00	6.627	1.113	891			1.680,00	7.518	
	Xã Hưng Thạnh	3460,46	4.167	46	130	3.412	4.037			chuyển cho thị trấn Tân Hưng
	Xã Vĩnh Thạnh	4873,16	6.007	1.051	681	3.822	5.326			chuyển cho thị trấn Tân Hưng
	Xã Vĩnh Châu B	2963,28	4.723	14	80	2.949	4.643		-	
	Vĩnh Châu A chuyển giao cho xã Vĩnh Châu B									
	Xã Vĩnh Châu B	2963	4.643					3716	4.784	
	Xã Vĩnh Châu A	6441,22	3.879	767	141	5.674	3.738			chuyển cho xã Vĩnh Châu B